

Bình Thuận, ngày 04 tháng 5 năm 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VẤN ĐÁP PHẦN C.I
(*Xây dựng Đảng*)

Lớp Trung cấp LLCT, hệ không tập trung - Khóa 6 (Năm 2021),
mở tại Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Ngày thi: Ngày 26 và sáng ngày 27/4/2023

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
01	01	Mai Thị Vân	Anh	16/01/1982	Nam Định	10	6.0	Sáu	
02	02	Trần Thị Ngọc	Ân	18/01/1983	Bình Thuận	03	7.5	Bảy rưỡi	
03	03	Hồ Quốc	Ân	11/5/1981	Bình Thuận	08	8.5	Tám rưỡi	
04	04	Nguyễn Thanh	Bằng	20/8/1986	Bình Thuận	02	8.0	Tám	
05	05	Huỳnh Thị	Bền	20/5/1977	Bình Thuận	02	7.0	Bảy	
06	06	Văn Thị Xuân	Bông	26/11/1981	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
07	07	Tạ Đình	Chiến	7/11/1984	Bình Thuận	10	7.5	Bảy rưỡi	
08	08	Huỳnh Văn	Chương	10/3/1980	Bình Thuận	10	8.5	Tám rưỡi	
09	09	Trần Văn	Đại	18/4/1970	Bình Thuận	01	8.0	Tám	
10	10	Hoàng Thị	Hạnh	01/6/1976	Nghệ An	04	7.0	Bảy	
	11	Lê Sỹ	Hào	4/4/1966	Quảng Trị				Bảo lưu
11	12	Đỗ Huỳnh Trúc	Hằng	02/6/1989	Bình Thuận	07	7.5	Bảy rưỡi	
12	13	Nguyễn Hồng	Hiệp	11/9/1986	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
	14	Nguyễn	Hiếu	24/11/1969	Bình Thuận				Thôi học
13	15	Thanh	Hoan	10/9/1983	Bình Thuận	09	8.0	Tám	
14	16	Phạm Đức Huy	Hoàng	9/11/1980	Ninh Thuận	05	7.0	Bảy	
15	17	Nguyễn Thị Bích	Huệ	29/8/1979	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
16	18	Nguyễn Trường	Huy	14/9/1986	Bình Thuận	08	7.5	Bảy rưỡi	
17	19	Đoàn Duy	Huyền	16/4/1971	Nam Định	02	7.0	Bảy	
18	20	Trần Trương Bích	Huyền	10/11/1969	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
19	21	Nguyễn Thị Ứng	Huyền	20/10/1986	Bình Thuận	07	7.0	Bảy	
20	22	Nguyễn Minh	Hưng	12/8/1970	Bình Thuận	01	7.0	Bảy	
21	23	Huỳnh Trung	Hưng	09/02/1970	Bình Thuận	10	7.0	Bảy	
22	24	Trần Thị Thanh	Hương	01/02/1990	TT. Huế	02	7.5	Bảy rưỡi	
23	25	Nguyễn Thị	Hương	02/02/1980	Thanh Hóa	10	7.5	Bảy rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
24	26	Trần Văn	Khoa	4/8/1978	Bình Thuận	07	7.0	Bảy	
25	27	Ngô Thị Bình	Khuê	1/10/1982	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
26	28	Hồ Văn	Kim	1/7/1986	Nghệ An	02	8.5	Tám rưỡi	
27	29	Võ Thị Công	Lai	1/5/1975	Bình Thuận	05	8.5	Tám rưỡi	
28	30	Nguyễn Thị Xuân	Lâm	15/3/1984	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
29	31	Phan Thị	Lập	20/12/1975	Bình Thuận	10	8.0	Tám	
30	32	Hồ Thị Mỹ	Linh	12/10/1986	Bình Thuận	04	8.5	Tám rưỡi	
31	33	Nguyễn Vĩnh Kim	Loan	1/3/1985	Bình Thuận	02	8.5	Tám rưỡi	
32	34	Nguyễn Thái Hồng	Nga	7/11/1980	Bình Thuận	03	7.5	Bảy rưỡi	
33	35	Nguyễn Thị	Nhật	19/5/1985	Hà Tĩnh	02	8.5	Tám rưỡi	
34	36	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	24/6/1980	Bình Thuận	10	7.0	Bảy	
35	37	Nguyễn Việt	Phú	9/3/1982	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
36	38	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	24/12/1988	Ninh Thuận	02	7.5	Bảy rưỡi	
37	39	Nguyễn Thị Kim	Phụng	12/6/1986	Quảng Ngãi	04	8.5	Tám rưỡi	
38	40	Nguyễn	Sáu	24/4/1973	Bình Thuận	06	7.5	Bảy rưỡi	
39	41	Lê Minh	Tài	12/12/1977	Bình Thuận	03	8.0	Tám	
40	42	Phạm Hồng	Thái	24/3/1979	Bình Thuận	02	6.5	Sáu rưỡi	
41	43	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	1/3/1980	Bình Thuận	02	7.5	Bảy rưỡi	
42	44	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/02/1988	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
43	45	Bình Vĩnh	Thi	15/10/1976	An Giang	03	7.0	Bảy	
44	46	Nguyễn Quốc	Thịnh	20/10/1978	Bình Thuận	01	6.5	Sáu rưỡi	
45	47	Lê Quốc	Thông	11/11/1974	Bình Thuận	07	7.0	Bảy	
	48	Phạm Thị	Thơm	02/5/1985	Nghệ An				Vắng thi
46	49	Đỗ Bá	Thuận	30/8/1981	Bình Thuận	08	7.5	Bảy rưỡi	
47	50	Huỳnh Thị Bích	Thùy	15/12/1980	Quảng Ngãi	10	6.0	Sáu	
48	51	Lê Thị Như	Thùy	16/4/1976	Bình Thuận	02	6.0	Sáu	
49	52	Trương Thị Thu	Thùy	3/9/1983	Bình Thuận	09	7.0	Bảy	
50	53	Nguyễn Thị Mai	Thương	23/7/1984	Bình Thuận	03	6.0	Sáu	
51	54	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	26/4/1985	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
52	55	Trần Thị Huyền	Trâm	01/01/1980	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
53	56	Đặng Phương	Trâm	7/9/1980	Bình Thuận	04	8.0	Tám	
54	57	Hồ Thị Thu	Trâm	1/6/1972	Bình Thuận	04	7.0	Bảy	
55	58	Võ Thị Minh	Trang	10/10/1982	Quảng Ngãi	03	8.0	Tám	
56	59	Nguyễn Thị Tú	Trang	14/5/1989	Bình Thuận	04	7.5	Bảy rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Mã đề	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
57	60	Bùi Ngọc	Trọng	27/8/1986	Thái Bình	04	7.0	Bảy	
58	61	Đông Duy	Trúc	26/9/1972	Ninh Thuận	06	6.0	Sáu	
59	62	Nguyễn Thanh	Trúc	25/8/1984	Bình Thuận	03	7.0	Bảy	
60	63	Bùi Nguyễn Chí	Trung	2/6/1986	Bình Thuận	02	7.0	Bảy	
61	64	Nguyễn Thị Quốc	Trung	03/11/1980	Bình Thuận	01	8.0	Tám	
62	65	Nguyễn Thành	Trung	11/6/1982	Bình Thuận	05	7.5	Bảy rưỡi	
63	66	Nguyễn Đình	Trường	21/11/1979	Bình Thuận	07	7.5	Bảy rưỡi	
64	67	Nguyễn Thanh	Tùng	16/10/1970	Hà Nam	08	7.0	Bảy	
	68	Phạm Phú	Trường	03/02/1976	Bình Thuận				Thôi học
65	69	Lê Thị Long	Vân	20/9/1987	Bình Thuận	08	7.5	Bảy rưỡi	
66	70	Võ Thị Yến	Vân	01/02/1988	Bình Thuận	06	7.5	Bảy rưỡi	

Tổng số: 66 bài.

Trong đó:

* Điểm 8,5: 08 bài.

* Điểm 8,0: 13 bài.

* Điểm 7,5: 16 bài.

Tỷ lệ:

Giỏi: 21 bài.

Khá: 38 bài.

Trung bình: 07 bài.

* Điểm 7,0: 22 bài.

* Điểm 6,5: 02 bài.

* Điểm 6,0: 05 bài.

(tỷ lệ: 31.82 %)

(tỷ lệ: 57.58 %)

(tỷ lệ: 10.60 %)



NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Quang Châu

Nguyễn Quang Châu

**PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH
KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG**

Xuân Thuần

Võ Thị Xuân Thuần

**T/L HIỆU TRƯỞNG
K/T TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Vân Thị Thanh Hà